

QUY LUẬT PHÂN LI ĐỘC LẬP MENĐEN

THÍ NGHIỆM

P_{tc} :  × 
Vàng - Trơn Xanh - Nhăn

F₁ :  Kết luận:

F₁ × F₁

F₂ :    
9 Vàng - Trơn 3 Vàng - Nhăn 3 Xanh - Trơn 1 Xanh - Nhăn

Xét riêng từng cặp tính trạng | **Xét chung cả 2 cặp tính trạng**

- Màu sắc hạt: = 9 : 3 : 3 : 1
- Hình dạng vỏ: (3 vàng : 1 xanh, 3 trơn : 1 nhăn)

- **Nhận xét:** tỉ lệ phân li KH bằng tích tỉ lệ các hợp thành nó.
- **Kết luận:** hai cặp tính trạng di truyền không phụ thuộc vào nhau.
- **Giải thích:** mỗi tính trạng do một cặp quy định; trong giảm phân các cặp nhân tố di truyền phân li độc lập, tổ hợp tự do trong quá trình tạo giao tử.

NỘI DUNG QUY LUẬT



Các cặp nhân tố di truyền (cặp alen) quy định các tính trạng khác nhau phân li độc lập với nhau trong quá trình hình thành

CƠ SỞ TẾ BÀO HỌC

- Các cặp alen nằm trên các cặp NST khác nhau.
- Sự phân li độc lập và tổ hợp ngẫu nhiên của các cặp NST tương đồng trong giảm phân hình thành giao tử dẫn đến sự phân li độc lập và sự tổ hợp ngẫu nhiên của các cặp tương ứng.

ĐIỀU KIỆN NGHIỆM ĐÚNG

- P_{TC} quy định 1 tính trạng.
- Các thể thu được ở các thế hệ lai phải
- Tính trạng trội là
- Các cặp gen đang khảo sát phải nằm trên các cặp tương đồng khác nhau.

CÔNG THỨC

Kiểu gen, KH của phép lai - PLĐL

Số cặp gen dị hợp của P	Số giao tử của P		Số loại KG F_1	Tỉ lệ KH F_1	
Aabb (n=1)	(A, a). (b)	(1AA:2Aa:1aa). (bb)	(AA,Aa,aa). bb	(3A-:1aa). (bb)	(A-,aa). (bb)
n	2^n	$(1:2:1)^n$	3^n	$(3:1)^n$	2^n

QUY TẮC CHUNG: Dùng quy tắc kết quả của từng cặp gen

- Số loại bằng tích số loại KG của từng cặp gen

- Số loại KH bằng tích số loại của các cặp tính trạng